

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2023

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn các đơn vị, nhà cung cấp trang thiết bị y tế đã và đang hợp tác với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện tại Bệnh viện Quân y 103 đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư y tế năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 103

- Địa chỉ: Số 261 Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, TP. Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ người tiếp nhận báo giá:

- Đồng chí: Nguyễn Văn Khoa, Khoa Trang bị/Bệnh viện Quân y 103.

- Điện thoại: 0989 282838.

- Email: Nguyenkhoatb103@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Khoa Trang bị, Bệnh viện Quân y 103.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00' ngày 14 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h00' ngày 24 tháng 11 năm 2023.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực tối thiểu của báo giá: 180 ngày kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: *(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).*

2. Hồ sơ báo giá:

- Báo giá: các đơn vị chào giá đầy đủ các nội dung theo mẫu Báo giá đính kèm.

- Các đơn vị có thể chào giá 1 phần hoặc nhiều phần và phải chào giá cho toàn bộ các mục trong phần mình tham dự.



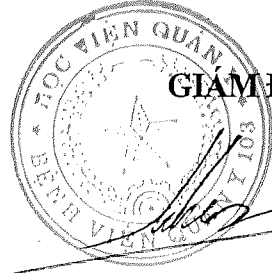
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt và bàn giao tại Khoa Trang bị - Bệnh viện Quân y 103.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I/2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban CNTT (để đăng tải);
- Lưu: CNTT, TB. K05.



**Thiếu tướng Trần Viết Tiến**



CÔNG TY.....  
Địa chỉ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**BÁO GIÁ**  
**Kính gửi: Bệnh Viện Quân y 103**

Căn cứ Thư mời chào giá của Bệnh viện Quân y 103 ngày .... Tháng ..... Năm ....., chúng tôi xin gửi tới Bệnh viện báo giá các VTYT như sau:

Nội dung mời chào giá				Nội dung chào giá													
STT	Số phần	STT theo phần	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Tên thương mại, nhãn mác của sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Phân loại TTBYT	Mã theo danh mục dùng chung (QĐ 5086/QĐ-BYT)	Mã HS	Quy cách đóng gói	Đơn giá (đã bao gồm VAT.....%)	Chi phí các dịch vụ liên quan	Thuế phí, lệ phí	Thành tiền
<b>Tổng cộng:</b>																	
<b>Số tiền bằng chữ: .....</b>																	

**Ghi chú:** Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, thuế VAT, phí vận chuyển đến Bệnh viện.

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2023.

Chúng tôi cam kết:

- Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC VTYT GỒI SỐ 1: VẬT TƯ DÙNG CHUNG**  
(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 14 / 11 / 2023 của Bệnh viện Quân y 103)

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Phần 1	Áo phẫu thuật dùng 1 lần	Cái	300	Áo phẫu thuật sử dụng 1 lần, có thun mềm mại ôm sát cổ tay, có dây buộc cố định vị trí cổ và eo. * Chất liệu: Vải không dệt, mềm, nhẹ và thoáng khí, trọng lượng $\geq 40$ GSM. * Kích thước: Dài $\geq 120$ cm x Rộng $\geq 120$ cm.
2	Phần 2	Băng bó bột (5cm x 45cm)	Cuộn	150	Gồm 2 lớp lót: - Lớp lót trong chất liệu Poly Olefin. - Lớp băng bột chất liệu bằng Polypropylene, dạng lưới, đàn hồi, đông cứng nhanh, xuyên thấu khi chụp XQ. - Kích thước: Chiều rộng: 5cm $\pm 5\%$ , Chiều dài: $\geq 45$ cm.
3	Phần 3	Băng bó bột (7,5cm x 70cm)	Cuộn	150	Gồm 2 lớp lót: - Lớp lót trong chất liệu Poly Olefin. - Lớp băng bột chất liệu bằng Polypropylene, dạng lưới, đàn hồi, đông cứng nhanh, xuyên thấu khi chụp XQ. - Kích thước: Chiều rộng: 7,5cm; chiều dài: $\geq 70$ cm.
4	Phần 4	Băng bó bột sợi thủy tinh	Cuộn	500	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước. Kích thước: Chiều rộng: 10cm; chiều dài: $\geq 350$ cm
5	Phần 5	Băng bó bột thạch cao	Cuộn	20000	Thành phần: Thạch cao và gạc. Kích thước: Chiều rộng: 10 cm, chiều dài: $\geq 350$ cm.
6	Phần 6	Băng cố định ống nội khí quản (1,25cm x 500cm)	Cuộn	300	Chất liệu: Vải Polyester - Kích thước: Chiều rộng: 1,25cm; chiều dài: $\geq 500$ cm. - Phủ keo Acrylate - Kéo giãn theo 2 chiều, cố định sau khi dán.
7	Phần 7	Băng cố định ống nội khí quản (2,5cm x 500cm)	Cuộn	300	Chất liệu: Vải Polyester - Kích thước: Chiều rộng : 2,5cm; chiều dài: $\geq 500$ cm. - Phủ keo Acrylate - Kéo giãn theo 2 chiều, cố định sau khi dán.
8	Phần 8	Băng cuộn xô (7cm x 500cm)	Cuộn	60000	Thành phần: sợi cotton. - Độ thấm dịch tốt. - Chiều rộng: 7cm; chiều dài: $\geq 500$ cm
9	Phần 9	Băng dính cá nhân y tế	Cái	300000	Chất liệu: Vải co dãn, phủ keo kẽm oxit, gạc thấm hút ở giữa phủ lớp chống dính. - Kích thước: (2cm x 6cm) $\pm 10\%$
10	Phần 10	Băng dính co giãn 10cm x 250cm	Cuộn	500	Chất liệu: Vải không đan dệt, co giãn. Phủ keo Acrylic. - Thành phần: Không chứa latex, không chứa dẫn xuất từ động vật, phthalates. - Kích thước: Chiều rộng : 10cm; chiều dài: $\geq 250$ cm - Dùng để cố định băng gạc.
11	Phần 11	Băng dính giấy	Cuộn	3000	Thành phần: băng giấy phủ keo acrylate. Hàm lượng keo $\geq 30\%$ . - Kích thước: Chiều rộng: 2,5cm $\pm 5\%$ . Chiều dài: $\geq 900$ cm.
12	Phần 12	Băng dính lụa (1,25cm x 500cm)	Cuộn	80000	Thành phần: lụa Taffeta trắng, có vạch chia để xé đúng độ dài cần sử dụng. - Kích thước: Chiều rộng: 1,25 cm; chiều dài: $\geq 500$ cm. - Phủ keo Zinc oxide. - Lực dính: $\geq 1,8$ N/cm. - Có kiểm tra vi sinh.
13	Phần 13	Băng dính lụa (2,5cm x 500cm)	Cuộn	20000	Thành phần: lụa Taffeta trắng, có vạch chia để xé đúng độ dài cần sử dụng. - Kích thước: Chiều rộng : 2,5cm; chiều dài: $\geq 500$ cm. - Phủ keo Zinc oxide. - Lực dính: $\geq 1,8$ N/cm. - Có kiểm tra vi sinh.
14	Phần 14	Băng keo có gạc vô trùng (10cm x 7cm)	Miếng	1000	Sợi polyester nên không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút, có phủ lớp chống dính, khả năng thấm hút tốt, tiệt trùng, Kích thước: $\geq (10$ cm x 7cm). Vô trùng từng miếng.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
15	Phần 15	Băng keo có gạc vô trùng (6cmx7cm)	Miếng	3000	Chất liệu: Vải không dệt. Phù keo Acrylate. Có gạc thấm hút. Không gây kích ứng da. - Kích thước: $\geq(6\text{cm} \times 7\text{cm})$ . Vô trùng từng miếng.
16	Phần 16	Băng keo có gạc vô trùng (9cm x 15cm)	Miếng	1000	Chất liệu: Polyurethane, màu trong suốt. - Gạc có lớp thấm hút, lớp chống dính. Lớp keo dính phù đều. - Kích thước: $\geq(9\text{cm} \times 15\text{cm})$ .
17	Phần 17	Băng keo có gạc vô trùng (9cm x 20cm)	Miếng	1000	Băng co giãn, chất keo acrylic ít dị ứng. Gạc thấm hút cao với màng PE không dính vết thương. Đựng trong từng bao riêng vô trùng. Băng thoáng co giãn tốt. Kích thước: $\geq(9\text{cm} \times 20\text{cm})$
18	Phần 18	Băng keo co giãn	Cuộn	3000	Chất liệu: Cotton, có khả năng co giãn - Băng thun phủ lớp keo Oxit kẽm không dùng dung môi. - Kích thước: Chiều rộng : 8cm; chiều dài: $\geq 450\text{cm}$ . Có lớp giấy lót bảo vệ.
19	Phần 19	Băng keo y tế vải lụa (2,5cm x 900cm)	Cuộn	10000	Chất liệu: Nền vải acetate, co giãn, không chứa Latex. - Phù keo acrylate, hàm lượng $\geq 30\%$ . - Kích thước: Chiều rộng : 2,5cm $\pm 5\%$ ; chiều dài: $\geq 900\text{cm}$ .
20	Phần 20	Băng thun cuộn	Cuộn	10000	Băng thun màu trắng, dạng cuộn; chất liệu sợi polyester, spandex và sợi cotton, trọng lượng nhẹ $\leq 90\text{g}/\text{m}^2$ , độ co giãn $\geq 200\%$ . - Kích thước: Chiều rộng: 10cm. Chiều dài: $\geq 400\text{cm}$ .
21	Phần 21	Băng thun hỗ trợ đầu gối	Cái	100	Băng thun hỗ trợ đầu gối; chất liệu neoprene tự dính giúp hạn chế vận động trong quá trình điều trị. Kích thước: Các cỡ.
22	Phần 22	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel	Miếng	3000	Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate; chính giữa có miếng Gel Chlorhexidine kháng khuẩn, nồng độ $\geq 2\%$ ; kích thước: $\geq(3\text{cm} \times 4\text{cm})$ ; - Kích thước: $\geq(10\text{cm} \times 12\text{cm})$ - Đặc tính: Kháng khuẩn, chống thấm nước và vi khuẩn, thấm máu và dịch tiết. - Thời gian lưu $\geq 7$ ngày - Vô trùng từng miếng
23	Phần 23	Bao cao su	Cái	2000	Chất liệu cao su, có dầu bôi trơn, các cỡ
24	Phần 24	Bát inox	Cái	50	Chất liệu Inox, đường kính miệng 8cm - 10cm
25	Phần 25	Bình thông phổi đơn	Cái	1000	Dung tích $\geq 1600\text{ml}$ • Bề mặt có thang đo. • Tính năng chống tạo bọt. • Chất liệu: PVC. • Có thanh cố định và thanh điều chỉnh. • Đầu kết nối phù hợp với các loại ống trocar và catheter.
26	Phần 26	Bộ chỉ khâu dây chằng van hai lá	Tép	2	Chỉ khâu dây chằng van tím hai lá không tan, chất liệu ePTFE, - Bộ dây chằng nhân tạo có 3 vòng lặp sẵn gồm 3 sợi đôi độc lập dùng để khâu vào lá van - Hai miếng gạc pledget, kích thước (3mm x 7mm) $\pm 5\%$ , chất liệu PTFE.
27	Phần 27	Bộ đặt thông nuôi ăn qua thành bụng	Bộ	40	Bộ dụng cụ gồm có: - Bộ kim khâu cố định da và dạ dày, tổng chiều dài $\geq 230\text{mm}$ , chiều dài làm việc $\geq 80\text{mm}$ , kích thước kim khâu 18G hoặc 20G. - Bộ kim mở đường bao gồm: mũi kim an toàn có chụp bảo vệ, tự động chụp mũi kim lại. - Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng chất liệu silicone, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, tám cố định bên ngoài có thể khóa ống thông theo phương thẳng đứng hoặc theo phương nằm ngang, dung tích bóng $\geq 10\text{ml}$ . - Kích thước: ống thông: có tối thiểu cỡ 18Fr hoặc 20Fr, chiều dài ống thông: $\geq 22\text{cm}$ .
28	Phần 28	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch chữ Y	Cái	500	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch chữ Y Có 2 đầu nối an toàn không kim, đường dẫn dịch tương đương với cỡ kim/catheter 18G Đầu kết nối xoắn, 2 dây nối có sẵn 2 kẹp khóa; tương thích với MRI.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
29	Phần 29	Bộ dây truyền dịch	Bộ	500000	Bao gồm: - Bầu đếm giọt, chất liệu PVC không chứa DEHP. - Có màng lọc bụi kích thước $\leq 15\mu\text{m}$ . - Dây dẫn dài $\geq 150\text{cm}$ ; chất liệu PVC, có khóa dạng bánh xe. - Vô trùng từng bộ.
30	Phần 30	Bộ dây truyền dịch an toàn	Bộ	50000	Bộ dây truyền dịch an toàn, tự động khóa, chiều dài $\geq 175\text{cm}$ , chịu áp lực tối đa $\geq 2\text{ bar}$ , đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Có cổng thông khí, kẹp con lăn, nắp đậy đuôi dây truyền, bầu đếm giọt 2 ngăn 1 cứng 1 mềm. - Có màng lọc vi khuẩn $\leq 0,2\mu\text{m}$ , màng lọc bụi $\leq 15\mu\text{m}$ . - Chất liệu nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP. - Vô trùng từng bộ.
31	Phần 31	Bộ dây truyền máu	Bộ	20000	Bộ dây truyền máu, chiều dài $\geq 175\text{cm}$ , - Buồng nhỏ giọt có màng lọc $200\mu\text{m}$ ; - Có nắp đậy đuôi dây truyền. - Có 1 kẹp con lăn và 1 kẹp khóa. - Chất liệu nhựa y tế, không DEHP. - Vô trùng
32	Phần 32	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ	50	Chất liệu thép không gỉ; Bao gồm: - 01 tay cầm gắn bóng đèn: Độ sáng: $\geq 3000\text{lux}$ , tuổi thọ bóng $\geq 50000$ giờ - 04 lưới đặt nội khí quản: có khớp nối và dây dẫn sáng kết nối với tay cầm; có tối thiểu 4 cỡ chiều dài trong khoảng $80\text{mm} - 160\text{mm}$
33	Phần 33	Bộ gây tê ngoài màng cứng đôi	Bộ	100	Bao gồm: - Kim đầu cong G18 hoặc G20, dài $\geq 2"$ , - Kim gây tê tùy sống G25 hoặc G27. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, dễ cầm. - Catheter chất liệu polyamid, dài $\geq 1000\text{mm}$ , có đường cản quang. - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Bơm tiêm giảm kháng lực. - Màng lọc vi khuẩn: kích thước lỗ lọc $< 0.2\text{ micron}$ .
34	Phần 34	Bộ gây tê ngoài màng cứng đơn	Bộ	300	Bao gồm: - Kim đầu cong G18 hoặc G20, dài $\geq 2"$ , thân kim có chia vạch. - Catheter chất liệu polyamid, dài $\geq 1000\text{mm}$ , có đường cản quang. - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Bơm tiêm giảm kháng lực. - Màng lọc vi khuẩn: kích thước lỗ lọc $< 0.2\text{ micron}$ .
35	Phần 35	Bộ huyết áp kế đồng hồ	Bộ	50	Bao gồm: - Bao đo người lớn: đường kính quấn bao đo $\geq 22\text{cm}$ , - Đồng hồ cơ: áp lực tối đa $\geq 300\text{ mmHg}$ - Bóng bóp và van.
36	Phần 36	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ	400	Làm từ vải không dệt, đóng gói trong túi tiệt trùng Bộ gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ : 01 cái - Khăn thấm : 02 cái - Bao chụp đầu đèn : 01 cái - Màng phẫu thuật: 01 cái - Khăn mổ thận lấy sỏi qua da: 01 cái - Bộ thu nước: 01 Kích thước: Các cỡ
37	Phần 37	Bộ lấy dịch phế quản	cái	2000	Bao gồm: - 01 van điều chỉnh - 01 lọ lấy đờm kèm nắp - 01 tem nhãn tên bệnh nhân Hình trụ, dung tích $\geq 40\text{ml}$ ; có vạch chia. Có 2 đầu nối, một đầu nối vào máy hút, một đầu nối với sonde hút.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
38	Phần 38	Bộ sàng áo dùng cho can thiệp mạch	Bộ	5000	<p>Bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khăn chụp mạch vành SM/ PE/ SPP, kích thước: <math>\geq 410\text{cm} \times 220\text{cm}</math>: 01 cái. Có tối thiểu 3 lỗ làm can thiệp, kích thước yêu cầu: + Đường kính trong/ngoài lỗ can thiệp ĐM quay: <math>\varnothing 6 / \varnothing 10\text{cm}</math>: 1 lỗ + Đường kính trong/ngoài lỗ can thiệp ĐM đùi: <math>\varnothing 7 / \varnothing 13\text{cm}</math>: 2 lỗ</li> <li>Khăn trải bàn dụng cụ PE / SPP, kích thước <math>\geq 200 \times 140\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Bao chụp đầu đèn PE, đường kính ngoài: <math>\geq \varnothing 65\text{cm}</math>, đường kính trong: <math>\geq \varnothing 40\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Bao chụp đầu phát tia PE, kích thước <math>80 \times 95\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Bao kính chắn chì PE, kích thước <math>\geq 110 \times 110\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Tấm phủ chắn chì kích thước <math>\geq 150 \times 140\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Tấm phủ đa dụng PE, kích thước: <math>\geq 120 \times 140\text{cm}</math>: 01 cái.</li> <li>Bộ áo vô trùng chất liệu chống nước, kháng khuẩn SMS định lượng 45 GSM: 03 bộ.</li> <li>Gạc PT <math>10\text{cm} \times 10\text{cm} \times 12\text{lớp} \times 5\text{cái}</math></li> <li>Mũ PT x 5 cái</li> <li>Khẩu trang PT x 5 cái</li> </ol> <p>+ Độ bền mỗi hàn bao gói: <math>\geq 1,2\text{N} / 15\text{mm}</math> + Tần dư EO: <math>&lt; 0,04\text{mg} / 1\text{sản phẩm}</math></p>
39	Phần 39	Bơm tiêm đầu xoay	Cái	3000	<p>Chất liệu: Polycarbonate chịu áp lực, có thể quan sát dòng chảy và bọt khí bên trong. Dung tích: có tối thiểu các loại 1ml, 3ml, 10ml. Đầu xoay Có đầu khóa luer. Pittông có màu sắc phân biệt chức năng sử dụng.</p>
40	Phần 40	Bơm tiêm nhựa 10ml	Cái	1000000	<p>Chất liệu: Nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Dung tích: 10ml. Có vạch chia xác định thể trên thân. - Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lấp khít với bơm không rò, bơm có pittông trơn và khít ống. - Vô trùng.</p>
41	Phần 41	Bơm tiêm nhựa 1ml	Cái	200000	<p>Chất liệu: Nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Dung tích: 1ml. Có vạch chia xác định thể trên thân. - Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lấp khít với bơm không rò, bơm có pittông trơn và khít ống. - Vô trùng.</p>
42	Phần 42	Bơm tiêm nhựa 20ml	Cái	200000	<p>Chất liệu: Nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Dung tích: 20ml. Có vạch chia xác định thể trên thân. - Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lấp khít với bơm không rò, bơm có pittông trơn và khít ống. - Vô trùng.</p>
43	Phần 43	Bơm tiêm nhựa 50ml	Cái	50000	<p>Chất liệu: Nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Dung tích: 50ml. Có vạch chia xác định thể trên thân. - Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lấp khít với bơm không rò, bơm có pittông trơn và khít ống. - Đốc bơm: có tối thiểu hai loại : đốc to lắp vừa bơm cho ăn và đốc nhỏ dùng cho bơm thuốc. - Vô trùng.</p>
44	Phần 44	Bơm tiêm nhựa 5ml	Cái	1000000	<p>Chất liệu: Nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Dung tích: 5ml. Có vạch chia xác định thể trên thân. - Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lấp khít với bơm không rò, bơm có pittông trơn và khít ống. - Vô trùng.</p>
45	Phần 45	Bóng bóp trợ thở người lớn, trẻ em	Cái	250	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mặt nạ: 01 cái, chất liệu: silicon</li> <li>Bóp bóng có van: 01 cái, chất liệu: silicon. Thể tích <math>\geq 2500\text{ml}</math>.</li> <li>Túi thở: 1 cái.</li> <li>Dây thở oxy: 1 cái.</li> <li>Đường thông khí: 1 bộ.</li> </ul>

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
46	Phần 46	Bóng bóp trợ thở sơ sinh	Cái	5	Bao gồm: - Mặt nạ: 01 cái, chất liệu: silicon - Bóp bóng có van: 01 cái, chất liệu: silicon; Thể tích ≤300ml. - Túi thở phù hợp với trẻ sơ sinh: 1 cái. - Dây thở oxy: 1 cái. - Đường thông khí: 1 bộ.
47	Phần 47	Bông ép sọ não (1,5cm x 5cm)	Cái	150000	Chất liệu: Vải không dệt, hút nước. - Có sợi cản quang. - Kích thước: (1,5cm x 5cm)±5% - Vô trùng;
48	Phần 48	Bông ép sọ não (4cm x 5cm)	Gói	50000	Chất liệu: Vải không dệt, hút nước. - Có sợi cản quang. - Kích thước: (4cm x 5cm)±5% - Vô trùng;
49	Phần 49	Bông hút	Kg	900	Chất liệu: bông tự nhiên, màu trắng, không gây kích ứng da, không có bụi bông.
50	Phần 50	Bông mờ không thấm nước	Kg	15	Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được loại bỏ tạp chất, kết cấu dai mịn không thấm nước.
51	Phần 51	Bông viên tiết trùng	Gói	2500	Chất liệu bông tự nhiên thấm hút dưới 10 giây với máu và dịch tiết cơ thể, không gây kích ứng da, màu trắng, thiết kế dạng viên rời chắc chắn, đóng gói: ≥100gr/1 gói
52	Phần 52	Cathete tĩnh mạch trung tâm 2 đường truyền	Cái	2500	Bao gồm: - Catheter: chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài ≥20cm, 2 nòng. - Dây kim loại dẫn đường mềm, tránh vận xoắn, đầu chữ J. - Dao mổ, kim dẫn và kim nong. - Đầu nối catheter: có valve 2 chiều. - Vô trùng.
53	Phần 53	Cathete tĩnh mạch trung tâm 3 đường truyền	Cái	500	Bao gồm: - Catheter: chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài ≥20cm, 3 nòng. - Dây kim loại dẫn đường mềm, tránh vận xoắn, đầu chữ J. - Dao mổ, kim dẫn và kim nong; - Đầu nối catheter: có valve 2 chiều. - Vô trùng.
54	Phần 54	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường truyền	Cái	100	Bao gồm: Catheter dài ≥20cm có phủ chất cản quang, dây gai, kim dẫn, xanh 5ml có đầu xoay, dao mổ, khóa 3 chạc. Vô trùng.
55	Phần 55	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường truyền chất liệu Certon	Cái	1000	Loại 2 đường truyền Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, chất liệu Certon. Các cỡ
56	Phần 56	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường truyền chất liệu Certon	Cái	500	Loại 3 đường truyền. Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim được gắn chặt với thân kim. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP y tế, khí bảo vệ đầu kim. chất liệu Certon. Các cỡ
57	Phần 57	Cây đặt nòng ống nội khí quản	Cái	20	2 lớp: Vỏ làm bằng chất liệu dẻo, trơn, nhẵn, lõi là dây dễ uốn.
58	Phần 58	Chỉ điện cực cơ tim	Tép	300	Chỉ thép điện cực cơ tim 3/0, kim phủ silicon, có áo bao một phần bằng tetrafluoroethylene-co-hexafluoropropylene hoặc tương đương, dài chỉ ≥60cm, 2 kim, - Kim thẳng dài 90mm±10% đầu tam giác, - Kim cong 1/2 vòng tròn dài 17mm±5% đầu tròn.
59	Phần 59	Chỉ khâu mắt không tan 10/0	Sợi	200	Chất liệu: Nylon, cỡ 10/0, loại đơn sợi, chiều dài từ ≥15cm. - Hai kim cong: độ cong 3/8 vòng tròn, tiết diện hình thang chiều dài ≥5mm, chất liệu thép cứng bó sợi.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
60	Phần 60	Chỉ khâu van tim 2/0 (pledget 7mm x3mm)	Tép	20	Chỉ khâu van tim, loại không tan, đa sợi, thành phần polyester, phủ silicone, số 2/0, chiều dài $\geq 90$ cm, - Hai kim: dạng tròn, đầu nhọn được phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn, chiều dài trong khoảng: 16mm đến 18mm. Có pledget kích thước (7mm x3mm) $\pm 5\%$ . - 1 tép có $\geq 10$ sợi.
61	Phần 61	Chỉ khâu van tim 2/0 (pledget 3mm x3mm)	Tép	50	Chỉ khâu van tim, loại không tan, đa sợi, thành phần polyester, phủ silicone, số 2/0, chiều dài $\geq 90$ cm, - Hai kim: dạng tròn, đầu nhọn được phủ silicon, cong 1/2 vòng tròn, chiều dài trong khoảng: 16mm đến 18mm. Có pledget kích thước (3mm x3mm) $\pm 5\%$ . - 1 tép có $\geq 10$ sợi.
62	Phần 62	Chỉ khâu vi phẫu đơn Sợi 10/0	Sợi	200	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, thành phần Polyamide, số 10/0, dài $\geq 15$ cm, kim tròn, 3/8 vòng tròn, đầu nhỏ, dài kim $\geq 5$ mm, chất liệu thép không gỉ, độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon.
63	Phần 63	Chỉ khâu vi phẫu đơn sợi 11/0	Sợi	100	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, thành phần Polyamide, số 11/0, dài $\geq 10$ cm, kim tròn, 3/8 vòng tròn, đầu nhỏ, dài kim $\geq 3$ mm, chất liệu thép không gỉ, độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon.
64	Phần 64	Chỉ khâu vi phẫu đơn Sợi 8/0	Sợi	120	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 8/0, dài $\geq 13$ cm, kim tròn, đầu tròn, dài kim $\geq 6.5$ mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim phủ silicon, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim.
65	Phần 65	Chỉ khâu vi phẫu đơn Sợi 9/0	Sợi	240	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, thành phần Polyamide, số 9/0, dài $\geq 15$ cm, kim tròn, 3/8 vòng tròn, đầu nhỏ, dài kim $\geq 5$ mm, chất liệu thép không gỉ, độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon.
66	Phần 66	Chỉ không tan đa sợi 2/0 có Pledget	Tép	60	Chỉ phẫu thuật tổng hợp không tiêu đa sợi cỡ 2/0. Chất liệu: polyester, có phủ silicone, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm, - Hai kim tròn đầu tam giác, phủ silicon, dài 25mm $\pm 5\%$ , cong 1/2 vòng tròn, - Miếng Pledget: kích thước (7mm x 3mm) $\pm 5\%$ . - Tép có tối thiểu 10 sợi chỉ.
67	Phần 67	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 8/0	Sợi	50	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 8/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 60$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 6mm -8mm, kim cong 3/8 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
68	Phần 68	Chỉ không tan đơn sợi Nylon 2/0	Sợi	25000	Chất liệu: Polyamide, số 2/0, chiều dài $\geq 75$ cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm $\pm 5\%$ kim phủ silicone.
69	Phần 69	Chỉ không tan đơn sợi Nylon 3/0	Sợi	10000	Chất liệu: Polyamide số 3/0 dài $\geq 75$ cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm $\pm 10\%$ kim phủ silicone.
70	Phần 70	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0 kim dài 17mm	Sợi	2000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 4/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 90$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm $\pm 5\%$ , kim cong 3/8 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
71	Phần 71	Chỉ không tan đơn sợi Nylon 6/0	Sợi	100	Chỉ dạng sợi đơn, chất liệu Nylon, cỡ 6/0, chiều dài $\geq 45$ cm. - Hai kim cong, đầu tiết diện hình thang, chiều dài 8.0mm $\pm 5\%$ , đường kính 0.28mm $\pm 5\%$ , độ cong kim 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng thép bó sợi.
72	Phần 72	Chỉ không tan đơn sợi Nylon 7/0	Sợi	100	Chỉ dạng sợi đơn, chất liệu Nylon, cỡ 7/0, chiều dài $\geq 45$ cm. - Hai kim cong, đầu tiết diện hình thang, chiều dài 8.0mm $\pm 5\%$ , đường kính 0.28mm $\pm 5\%$ , độ cong kim 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng thép bó sợi.
73	Phần 73	Chỉ không tan đơn sợi Nylon 8/0	Sợi	100	Chỉ dạng sợi đơn, chất liệu Nylon, cỡ 8/0, chiều dài $\geq 30$ cm. - Hai kim cong, đầu tiết diện hình thang, chiều dài 6.5mm $\pm 5\%$ , đường kính 0.2mm $\pm 5\%$ , độ cong kim 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng thép bó sợi.
74	Phần 74	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 3/0	Sợi	100	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 3/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 90$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm $\pm 5\%$ , kim cong 1/2 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
75	Phần 75	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0 kim dài 22mm	Sợi	400	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 4/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 90$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm $\pm 5\%$ , kim cong 1/2 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
76	Phần 76	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 6/0	Sợi	1200	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 6/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 75$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài $13\text{mm} \pm 5\%$ , kim cong 3/8 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
77	Phần 77	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 7/0	Sợi	1000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 7/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 60$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài $9\text{mm} \pm 5\%$ , kim cong 3/8 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
78	Phần 78	Chỉ line/lựa không kim	Cuộn	20	Chất liệu: sợi cotton, sợi chỉ dai, bề mặt sáng. Có tối thiểu các cỡ: 20, 40, 60, 100. Chiều dài $\geq 160$ m.
79	Phần 79	Chỉ phẫu thuật nâng mô	Sợi	100	Chỉ dùng để nâng cơ học các cơ quan, bóc tách và buộc thắt các mạch máu, gân và dây thần kinh; Chất liệu: silicon, chiều dài $\geq 75$ cm, bản rộng $\geq 2.5$ mm.
80	Phần 80	Chỉ phẫu thuật tim không tan 2 kim, số 5/0, kim dài 13mm	Sợi	100	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 5/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 90$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài $13\text{mm} \pm 5\%$ , kim cong 1/2 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
81	Phần 81	Chỉ phẫu thuật tim không tan 2 kim, số 5/0, kim dài 17mm	Sợi	700	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi khâu mạch máu số 5/0: chất liệu Polypropylene, dài $\geq 90$ cm, Sợi chỉ nhuộm Đồng Phthalocyanine. - 2 kim tròn, đầu nhọn, dài $17\text{mm} \pm 5\%$ , kim cong 1/2 vòng tròn, chất liệu hợp kim Chrome, Nickel, Cu, Ti, Molybdenum.
82	Phần 82	Chỉ phẫu thuật từ tơ tằm số 3/0	Sợi	500	Cấu tạo: chất liệu từ tơ tằm đa sợi không tiêu diệt trùng, số 3/0, dài $\geq 60$ cm
83	Phần 83	Chỉ số 1 khâu gan	sợi	200	Chỉ tan tổng hợp sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 số 1; Dài chỉ $\geq 90$ cm, - Kim tròn đầu tù 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $40\text{mm} \pm 5\%$ , kim bằng thép.
84	Phần 84	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi 3/0	Sợi	200	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 3/0 dài $\geq 70$ cm, 1 kim tròn đầu tròn dài $26\text{mm} \pm 10\%$ , 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giữ kim
85	Phần 85	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi 4/0	Sợi	100	Chất liệu Polydioxanone, số 4/0, dài $\geq 70$ cm, 1 kim tròn đầu tròn dài $20\text{mm} \pm 5\%$ , 1/2 vòng tròn, kim bằng hợp kim Titan, có phủ silicone, thời gian tan hoàn toàn $\leq 250$ ngày
86	Phần 86	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi 5/0	Sợi	30	Chất liệu Polydioxanone, số 5/0, dài $\geq 70$ cm, 1 kim tròn đầu tròn dài $13\text{mm} \pm 5\%$ , 3/8 vòng tròn, kim bằng hợp kim Titan, có phủ silicone, thời gian tan hoàn toàn $\leq 250$ ngày
87	Phần 87	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi 6/0	Sợi	30	Chất liệu Polydioxanone, số 6/0, dài $\geq 70$ cm, 2 kim tròn đầu tròn dài $13\text{mm} \pm 5\%$ , 3/8 vòng tròn, kim bằng hợp kim Titan, có phủ silicone, thời gian tan hoàn toàn $\leq 250$ ngày
88	Phần 88	Chỉ tan dùng cho phẫu thuật mắt 6/0	Sợi	250	Số 6/0, dài $\geq 45$ cm, 2 kim, dài kim $8\text{mm} \pm 10\%$ , cong 1/4 đường tròn, kim hình thang, dùng trong PT mắt.
89	Phần 89	Chỉ tan dùng cho phẫu thuật mắt 7/0	Sợi	50	Số 7/0, dài $\geq 30$ cm, kim $6.5\text{mm} \pm 10\%$ , 2 kim, kim 3/8 đường tròn, kim hình thang, dùng trong PT mắt
90	Phần 90	Chỉ tan dùng cho phẫu thuật mắt 8/0	Sợi	250	Chỉ tan dùng cho phẫu thuật mắt, cỡ 8/0, dài $\geq 30$ cm, kim $6.5\text{mm} \pm 10\%$ , 2 kim, kim 3/8 đường tròn, kim hình thang dùng trong phẫu thuật mắt.
91	Phần 91	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi 2/0	Sợi	200	Dạng đơn sợi, chất liệu Polyglactine 910 số 2/0 dài $\geq 90$ cm, kim tròn đầu cắt, chiều dài $36\text{mm} \pm 10\%$ , 1/2 vòng tròn.
92	Phần 92	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi 3/0	Sợi	120	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 75$ cm, 1 kim tam giác ngược bằng thép Ethalloy có phủ silicone hoặc tương đương, dài 26mm, 3/8 vòng tròn.
93	Phần 93	Chỉ tan tổng hợp sợi bền 2/0	Sợi	15000	Chỉ tan tổng hợp sợi bền chất liệu Glycolide/lactide copolymer hoặc tương đương, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate hoặc tương đương, chỉ số 2/0; Dài chỉ $\geq 75$ cm, Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu $\geq 140\%$ , đạt $\geq 80\%$ ở thời điểm 2 tuần và $\geq 30\%$ ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng $\geq 55$ ngày. - Kim tròn, 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $26\text{mm} \pm 5\%$ .

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
94	Phần 94	Chỉ tan tổng hợp sợi bền số 1	Sợi	25000	Chỉ tan tổng hợp sợi bền chất liệu Glycolide/lactide copolymer hoặc tương đương, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate hoặc tương đương, chỉ số 1; Dài chỉ $\geq 90$ cm, Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu $\geq 140\%$ , đạt $\geq 80\%$ ở thời điểm 2 tuần và $\geq 30\%$ ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng $\geq 55$ ngày. - Kim tròn, 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $40\text{mm} \pm 5\%$ .
95	Phần 95	Chỉ tan tổng hợp sợi bền số 3/0	Sợi	15000	Chỉ tan tổng hợp sợi bền chất liệu Glycolide/lactide copolymer hoặc tương đương, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate hoặc tương đương, chỉ số 3/0; Dài chỉ $\geq 75$ cm, Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu $\geq 140\%$ , đạt $\geq 80\%$ ở thời điểm 2 tuần và $\geq 30\%$ ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng $\geq 55$ ngày. - Kim tròn, 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $26\text{mm} \pm 5\%$ .
96	Phần 96	Chỉ tan tổng hợp sợi bền số 4/0	Sợi	6000	Chỉ tan tổng hợp sợi bền chất liệu Glycolide/lactide copolymer hoặc tương đương, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate hoặc tương đương, chỉ số 4/0; Dài chỉ $\geq 75$ cm, Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu $\geq 140\%$ , đạt $\geq 80\%$ ở thời điểm 2 tuần và $\geq 30\%$ ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng $\geq 55$ ngày. - Kim tròn, 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $17\text{mm} \pm 5\%$ .
97	Phần 97	Chỉ tan tổng hợp sợi bền số 5/0	Sợi	600	Chỉ tan tổng hợp sợi bền chất liệu Glycolide/lactide copolymer hoặc tương đương, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate hoặc tương đương, chỉ số 5/0; Dài chỉ $\geq 75$ cm, Sợi chỉ đạt lực khôe nút buộc ban đầu $\geq 140\%$ , đạt $\geq 80\%$ ở thời điểm 2 tuần và $\geq 30\%$ ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng $\geq 55$ ngày. - Kim tròn, 1/2 vòng tròn, thân phủ silicone, dài $17\text{mm} \pm 5\%$ .
98	Phần 98	Chỉ tan tự nhiên Chromic số 1	Sợi	3500	Chỉ tan tự nhiên số 1, chiều dài $\geq 75\text{cm}$ , kim tròn phủ silicone 1/2 vòng tròn, dài kim $26\text{mm} \pm 10\%$ .
99	Phần 99	Chỉ tan tự nhiên Chromic số 2/0	Sợi	300	Chỉ tan tự nhiên, số 2/0, chiều dài $\geq 75\text{cm}$ , kim tròn phủ silicon 1/2 vòng tròn, dài kim $26\text{mm} \pm 10\%$ .
100	Phần 100	Chỉ tan tự nhiên Chromic số 3/0	Sợi	120	Số 3/0 dài $\geq 75\text{cm}$ , kim tròn phủ silicon 1/2 vòng tròn 26mm
101	Phần 101	Chỉ tan tự nhiên Chromic số 4/0	Sợi	120	Số 4/0 dài $\geq 75\text{cm}$ , kim tròn thân dày phủ silicon 1/2 vòng tròn 26mm
102	Phần 102	Chỉ thép số 5	Tép	250	Chỉ thép khâu xương ức số 5, dài $\geq 45\text{cm}$ thành phần thép không gỉ, 1 kim tròn, đầu tam giác, dài kim $48\text{mm} \pm 10\%$ , cong 1/2 vòng tròn. (1 tép $\geq 4$ sợi)
103	Phần 103	Đầu nối an toàn	Cái	10000	Đầu nối an toàn không kim: - Chiều dài: $3\text{cm} \pm 10\%$ - Tương thích với MRI - Thời gian lưu: $\geq 7$ ngày hoặc sau 200 lần kết nối. - Không chứa DEHP, latex. - Vô trùng.
104	Phần 104	Dây garo cao su	Cái	1000	Cao su đàn hồi tốt. Có bột chống dính bề rộng dây $7\text{cm} \pm 10\%$
105	Phần 105	Dây hút dịch có lỗ kiểm soát	Cái	120000	Dây hút dịch có lỗ kiểm soát. Chất liệu nhựa y tế, mềm, dài $50\text{cm} \pm 10\%$ , đầu cuối ống trơn nhẵn có 2 lỗ không đối xứng. Vô trùng, các số.
106	Phần 106	Dây hút dịch kín	Cái	300	Sử dụng cho các bệnh nhân thở máy dùng ống nội khí quản. - Đầu ống mềm, không gây tổn thương lên thành ống khí quản - Chiều dài: $54\text{cm} \pm 10\%$ . - Mã hoá màu theo tiêu chuẩn ISO. - Vô trùng.
107	Phần 107	Dây nối bơm tiêm điện đường kính nhỏ loại dài	Cái	20000	Chất liệu: Nhựa y tế, chiều dài $\geq 140\text{cm}$ , đường kính $\leq 0.9\text{mm}$ . Vô trùng.
108	Phần 108	Dây nối bơm tiêm điện loại ngắn	Cái	50000	Chất liệu: nhựa y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước I.D $1.0\text{mm} \pm 5\%$ . Chiều dài các cỡ $\geq 75\text{cm}$ . Vô trùng.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
109	Phần 109	Dây thờ Oxy các cỡ	Cái	20000	Chất liệu dây nhựa y tế, trong suốt. Dây dài 200cm±10%. Đầu mềm, chia 2 nhánh. Các cỡ. Có gong mũi.
110	Phần 110	Đề lưới gỗ	cái	70000	Dụng cụ đè lưới. - Chất liệu: Gỗ - kích thước: CR 2cm±10%; CD ≥15cm - Vô trùng đơn chiếc.
111	Phần 111	Dụng cụ chống cắn lưới	Cái	50	Chất liệu: Nhựa cứng y tế. Chiều dài ≥6cm; các cỡ
112	Phần 112	Dung dịch xịt phòng ngừa loét do tỳ đè	Chai	200	Chứa Glycerid độ oxy hóa cao, không chứa DEPH và phtalate, có khả năng tái tạo biểu mô, ngăn mất nước của da. Dung tích ≥20ml.
113	Phần 113	Gạc cầu (30mm)	Gói	20000	Chất liệu cotton, có khả năng thấm hút cao, - Kích thước: đường kính ≥ 30mm, loại 1 lớp. - 1 gói ≥ 10 cái - Vô trùng từng gói
114	Phần 114	Gạc cầu (40mm)	Gói	10000	Chất liệu cotton, có khả năng thấm hút cao, - Kích thước: đường kính ≥ 40mm, loại 1 lớp. - 1 gói ≥ 10 cái - Vô trùng.
115	Phần 115	Gạc gói vô trùng (10cm x10cm), 16 lớp	Gói	6000	Nguyên liệu: sợi cotton. Đã tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn. Kích thước (10cm x 10cm)±5% Số lớp: ≥16 lớp. Vô trùng.
116	Phần 116	Gạc gói vô trùng (10cm x10cm), 8 lớp	Gói	250000	Nguyên liệu: sợi cotton. Đã tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn. Kích thước: (10cm x 10cm) Số lớp: ≥8 lớp. Vô trùng.
117	Phần 117	Gạc gói vô trùng (30cm x40cm), 6 lớp	Gói	50000	Nguyên liệu: sợi cotton. Đã tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn. Kích thước: (30cm x 40cm) Số lớp: ≥6 lớp. Vô trùng.
118	Phần 118	Gạc gói vô trùng (7cm x11cm), 12 lớp	Gói	800000	Nguyên liệu: sợi cotton. Đã tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn. Kích thước: (7cm x 11cm) Số lớp: ≥12 lớp. Vô trùng.
119	Phần 119	Gạc hút	Mét	50000	Kích thước: Chiều rộng ≥80cm. - Chất liệu: sợi cotton. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không bột, không xơ mùn.
120	Phần 120	Gạc lưới chứa Hydrocolloid	Miếng	6000	Chất liệu polyester, dạng mắt lưới, có tẩm các hạt hydrocolloid phân tán trong sáp dầu khoáng. Thành phần: hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất polymer. Kích thước: (10cm x10cm) ±5%
121	Phần 121	Gạc lưới chứa Sucrose Octasulfate	Miếng	400	Sử dụng trong điều trị vết loét do đái tháo đường. - Nguyên liệu: polyester, chứa hoạt chất Sucrose octasulfate, - Hàm lượng: ≥ 0.7 mg/Cm <sup>2</sup> . - Kích thước: (10cm x10cm) ±5%.
122	Phần 122	Gạc lưới kháng khuẩn	Miếng	1500	Chất liệu: lưới polyester, tẩm các hạt hydrocolloid. - Hàm lượng bạc sulfat (kháng khuẩn) ≥0.3 mg/cm <sup>2</sup> , không dính vào nền vết thương. - Kích thước: (10cm x12cm)±5%.
123	Phần 123	Gạc Meche dẫn lưu	Cuộn	2500	Chất liệu vải không dệt polyester, thấm nước. - Kích thước: rộng 1cm±5%, dài ≥200cm. - Số lớp ≥4 lớp.
124	Phần 124	Gạc Meche phẫu thuật	Cái	25000	Chất liệu cotton, có khả năng thấm hút cao. Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Kích thước: Chiều rộng: 3,5cm ±5%; chiều dài: ≥80cm. - Số lớp: ≥4 lớp.
125	Phần 125	Gạc mỡ chống dính kháng khuẩn	Miếng	200	Gạc có tẩm Paraffin, có chứa Chlorhexidine Acetate (kháng khuẩn). Kích thước (10cmx10cm)±5%

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
126	Phần 126	Gạc thấm hút, loại bỏ mảnh hoại tử	Miếng	500	Gạc dạng miếng tiết trùng, không dệt, có độ thấm hút cao và chứa các sợi đa thấm hút (polyacrylate) kết dính giúp loại bỏ các mảnh hoại tử. - Có phủ hàm lượng bạc sulfat: $\geq (0.30\text{mg}/\text{cm}^2)$ . - Kích thước $(10\text{cm} \times 10\text{cm}) \pm 5\%$
127	Phần 127	Gạc xấp các loại	Miếng	300	Cấu tạo gồm: - Lớp xấp thấm hút, chất liệu: polyurethane, phủ Sucrose octasulfate. - Lớp bảo vệ mặt ngoài, chất liệu: vải polyurethane không dệt. - Kích thước: $(10\text{cm} \times 10\text{cm}) \pm 5\%$
128	Phần 128	Găng khám	Đôi	1300000	Nguyên liệu cao su tự nhiên. Hàm lượng bột thấp, đàn hồi tốt, chiều dài $\geq 24\text{cm}$ , các cỡ.
129	Phần 129	Găng khám không bột	Đôi	10000	Nguyên liệu cao su tự nhiên. Không bột, đàn hồi tốt, độ đàn hồi $\geq 500\%$ , các cỡ.
130	Phần 130	Găng kiểm soát tử cung	Đôi	500	Chất liệu cao su y tế, không dính. Chiều dài găng $\geq 40\text{cm}$ ; các cỡ.
131	Phần 131	Găng tay phẫu thuật hữu trùng	Đôi	250000	Chất liệu cao su y tế, chiều dài $\geq 27\text{cm}$ , hấp không bị co, không dính. Có tối thiểu các cỡ: 6,5; 7; 7,5; 8.
132	Phần 132	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Đôi	400000	Có độ đàn hồi tốt, vô trùng từng đôi. Có tối thiểu các cỡ: 6,5; 7; 7,5; 8.
133	Phần 133	Hộp đựng bông cotton	Cái	100	Chất liệu inox, Đường kính $\geq 8\text{cm}$ , chiều cao hộp $\geq 5\text{cm}$ , có nắp.
134	Phần 134	Kéo cong dài	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng $(18\text{cm} - 25\text{cm})$ . Đầu kéo cong, nhọn.
135	Phần 135	Kéo cong ngắn	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng $(10\text{cm} - 16\text{cm})$ ; Đầu kéo cong, nhọn.
136	Phần 136	Kéo thẳng dài	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng $(18\text{cm} - 25\text{cm})$ . Đầu kéo thẳng, nhọn.
137	Phần 137	Kéo thẳng ngắn	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài trong khoảng $(10\text{cm} - 16\text{cm})$ ; Đầu kéo thẳng, nhọn.
138	Phần 138	Kẹp kose 16cm	Cái	50	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ, có 2 loại: cong hoặc thẳng; ngâm chắc dài $16\text{cm} \pm 10\%$
139	Phần 139	Kẹp kose 18cm	Cái	50	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ, có 2 loại: cong hoặc thẳng; ngâm chắc dài $18\text{cm} \pm 10\%$
140	Phần 140	Khẩu trang loại buộc dây	Cái	100000	Khẩu trang 3 lớp loại buộc dây, - Chất liệu: Lớp ngoài: vải không dệt không hút nước; lớp giữa: giấy lọc khuẩn, độ lọc (BFE $\geq 98\%$ ; PFE $\geq 98\%$ ; Delta P < $5\text{ mmH}_2\text{O}/\text{cm}^2$ ); lớp trong: vải không dệt không hút nước. - Dây buộc đầu: chất liệu vải không dệt. - Nẹp mũi: Nhựa hoặc kim loại. - Vô trùng từng cái.
141	Phần 141	Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	200000	Khẩu trang 3 lớp loại dây thun móc tai. - Chất liệu: Lớp ngoài: vải không dệt không hút nước; lớp giữa: giấy lọc khuẩn, độ lọc (BFE $\geq 98\%$ ; PFE $\geq 98\%$ ; Delta P < $5\text{ mmH}_2\text{O}/\text{cm}^2$ ); lớp trong: vải không dệt không hút nước. - Dây thun móc tai: chất liệu Polyester. - Nẹp mũi: Nhựa hoặc kim loại.
142	Phần 142	Khay inox (15cm x20cm)	Cái	50	Chất liệu inox, dày, nhẵn kích thước $(15\text{cm} \times 20\text{cm}) \pm 10\%$
143	Phần 143	Khay inox (25cm x40cm)	Cái	20	Chất liệu inox, dày, nhẵn kích thước $(25\text{cm} \times 40\text{cm}) \pm 10\%$
144	Phần 144	Khay quả đậu	Cái	20	Chất liệu inox. Kiểu dáng hình quả đậu thành đứng, các cỡ
145	Phần 145	Khóa 3 chạc có dây nối	Cái	70000	Chất liệu: Nhựa y tế. - Chiều dài dây nối: $\geq 10\text{cm}$ . - Không chứa DEHP/Phtalates, latex. - Tốc độ dòng chảy $\geq 300\text{ ml}/\text{phút}$ . - Không rò rỉ dịch. - Khóa xoay $360^\circ$ có chỉ dẫn. - Có 1 đầu nối đực và 2 đầu nối cái. - Vô trùng.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
146	Phần 146	Khóa 3 chạc không dây nổi	Cái	30000	Chất liệu: Nhựa y tế. - Không chứa DEHP/Phtalates, latex. - Tốc độ dòng chảy $\geq 350$ ml/phút. - Không rò rỉ dịch. - Khóa xoay $360^\circ$ có chỉ dẫn. - Có 1 đầu nối đực và 2 đầu nối cái. - Vô trùng.
147	Phần 147	Kim châm cứu	Cái	250000	Các cỡ có: đường kính: 0.3-0.35mm. (Dài 25mm-60mm) $\pm 10\%$ Nguyên vật liệu làm từ thép y tế. Đầu kim láng nhọn, không rỉ, không gãy. Đóng gói vô trùng: $\leq 10$ cái.
148	Phần 148	Kim chích máu	Cái	10000	Chất liệu thép không rỉ. Thân có dập gân tăng cứng. Đầu kim sắc nhọn. Tiệt trùng từng chiếc.
149	Phần 149	Kim gây tê tủy sống	Cái	8000	Kim gây tê tủy sống đầu kim cắt vát hình kim cương. Đốc kim trong suốt có phản quang, dễ dàng quan sát khi dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Kích cỡ: có tối thiểu các cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G.
150	Phần 150	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh cỡ 24G	Cái	10000	Kim luồn Có đầu bảo vệ bằng polymer tinh khiết. Catheter bằng FEP/PUR có 4 đường cân quang ngầm. Kim có 1 băng rãnh được thiết kế đảm bảo cơ chế an toàn được kích hoạt. Cỡ: 24G
151	Phần 151	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh; không cổng bơm thuốc	Cái	5000	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không cửa bơm thuốc, có 4 vạch cân quang trong cannunyn, catheter chất liệu PUR. Đầu kim hình chữ V có 3 mặt vát. Van an toàn chống trào ngược máu. Chịu được áp lực tiêm truyền tối đa $\geq 300$ PSI Có tối thiểu các cỡ: 18G, 20G, 22G.
152	Phần 152	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng bơm thuốc	Cái	500000	Kim luồn không cánh không cửa bơm thuốc, dạng bút, vô trùng đơn chiếc, có màu sắc phân biệt các cỡ sản phẩm. - Kích cỡ: Có tối thiểu các cỡ: 18G, 20G, 22G, 24G. - Có tối thiểu 3 vạch cân quang. Thời gian lưu kim $\geq 72$ giờ. - Phần catheter chất liệu ETFE. Tiệt trùng kép.
153	Phần 153	Kim mang kim	Cái	50	Chất liệu thép không gỉ, đầu kim khít
154	Phần 154	Kim tiêm vô trùng	Cái	600000	Chất liệu thép không gỉ, vô khuẩn đơn chiếc, các số.
155	Phần 155	Lưỡi dao mổ các số	Cái	40000	Chất liệu thép không gỉ, phù hợp với nhiều loại cán dao mổ, tối thiểu cán dao mổ tiêu chuẩn số 3, số 4. Kích cỡ: có tối thiểu các cỡ số 10, 11, 15, 20, 22.
156	Phần 156	Mask khí dung	Cái	8000	Chất liệu PVC, mềm hoặc tương đương, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Tốc độ/tỷ lệ phun sương $0.25\text{ml/phút} \pm 10\%$ . Kích cỡ hạt thuốc $\geq 5 \mu\text{m} \pm 10\%$ .
157	Phần 157	Mask thở oxy	Cái	250	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Mark up có dây đeo.
158	Phần 158	Mask thở Oxy có túi khí	Cái	500	Chất liệu PVC hoặc tương đương, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn, kèm túi khí.
159	Phần 159	Miếng cầm máu	Miếng	1000	Miếng cầm máu tự tiêu, kháng khuẩn, chất liệu: cellulose oxi hóa. Kích thước: $\geq (10\text{cm} \times 20\text{cm})$ . Tiệt trùng từng miếng.
160	Phần 160	Mỏ vịt âm đạo nhựa	Cái	4000	Sử dụng mỏ âm đạo, chất liệu nhựa cứng, các cỡ. Tiệt khuẩn đơn chiếc
161	Phần 161	Mũ giấy vô trùng	Cái	200000	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm nước và dây thun đôi. * Kích thước mũ khi ở dạng đóng gói chưa sử dụng: Rộng 2,2cm - 2,5cm x dài $20\text{cm} \pm 10\%$ . * Vải không dệt không hút nước, chất liệu 100% PP. * Vô trùng từng cái.
162	Phần 162	Nhiệt kế nách	Cái	1000	Dạng cột thủy ngân kẹp nách, thang đo tối đa 42 độ
163	Phần 163	Nĩa dài 16cm	Cái	150	Chất liệu thép không gỉ, - Chủng loại: có máu hoặc không có máu, đàn hồi tốt, đầu kẹp khít dài $16\text{cm} \pm 5\%$
164	Phần 164	Nĩa dài 18cm	Cái	150	Chất liệu thép không gỉ, - Chủng loại: có máu hoặc không có máu, đàn hồi tốt, đầu kẹp khít dài $18\text{cm} \pm 5\%$
165	Phần 165	Nút chặn đuôi kim luồn	Cái	100	Nút chặn đuôi kim luồn có cổng bơm thuốc, trong suốt để quan sát, Màng cổng tiêm sử dụng vật liệu không chứa latex. Tiệt trùng

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
166	Phần 166	Ống cắm panh	Cái	200	Chất liệu Inox, hình trụ, kích thước: đường kính 5cm±10%, cao: 15cm ±10%.
167	Phần 167	Ống dẫn lưu màng phổi	cái	1500	Chất liệu PVC không có DEHP. Có đầu kết nối tới bình hút dịch. Có chỉ thị mức xác định độ sâu của vị trí chọc tới. Chiều dài ≥45cm. Các số: có tối thiểu 10 cỡ từ 8Fr tới 40Fr.
168	Phần 168	Ống mở khí quản	Cái	200	Các số, vô trùng. - Chất liệu nhựa PVC, không độc - Có bóng thể tích lớn áp lực thấp, cong 90 độ, đầu nối tiêu chuẩn có thể xoay được. - Đầu van có khóa. - Có đường cản quang chạy dọc ống.
169	Phần 169	Ống mở khí quản 1 nòng có bóng	Cái	200	Loại 1 nòng có bóng, chất liệu nhựa polyurethane. • Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc • Bóng chèn được làm bằng chất liệu chắn bức xạ • Bóng bơm có ghi chỉ số kích cỡ • Thiết kế miếng gắn cổ rộng và mềm • Bóng chèn có thiết kế thể tích lớn, áp lực thấp - Các cỡ. Vô trùng từng chiếc.
170	Phần 170	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, có cửa sổ	Cái	500	Loại 2 nòng có bóng, thân ống có cửa sổ, chất liệu nhựa polyurethane. • Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc • Bóng chèn được làm bằng chất liệu chắn bức xạ • Bóng bơm có ghi chỉ số kích cỡ • Thiết kế miếng gắn cổ rộng và mềm • Bóng chèn có thiết kế thể tích lớn, áp lực thấp - Có thể lưu >25 ngày. Các cỡ. Vô trùng từng chiếc.
171	Phần 171	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, không cửa sổ	Cái	100	Loại 2 nòng có bóng, thân ống không có cửa sổ, chất liệu nhựa polyurethane. • Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc • Bóng chèn được làm bằng chất liệu chắn bức xạ • Bóng bơm có ghi chỉ số kích cỡ • Thiết kế miếng gắn cổ rộng và mềm • Bóng chèn có thiết kế thể tích lớn, áp lực thấp - Có thể lưu ≥25 ngày. Các cỡ. Vô trùng từng chiếc.
172	Phần 172	Ống mở khí quản 2 nòng không bóng có cửa sổ	Cái	50	Loại 2 nòng không có bóng, thân ống có cửa sổ, chất liệu nhựa polyurethane. • Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc • Bóng chèn được làm bằng chất liệu chắn bức xạ • Bóng bơm có ghi chỉ số kích cỡ • Thiết kế miếng gắn cổ rộng và mềm • Bóng chèn có thiết kế thể tích lớn, áp lực thấp - Có thể lưu ≥25 ngày. Các cỡ. Vô trùng từng chiếc.
173	Phần 173	Ống nghe 2 tai	Cái	50	Thiết kế 2 mặt nghe. Chuông và màng chắn, loại hai chiều. Càng ống nghe làm bằng chất liệu Aluminum. Dây dẫn có thiết kế chữ Y: nhựa y tế.
174	Phần 174	Ống nội khí quản 2 nòng phải, trái	Cái	150	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải kèm co nối. - Chất liệu: silicon, thân ống mềm. - Đầu ống có lò xo. Bóng chèn mỏng áp lực thấp. - Thân ống có vạch cản quang, bóng khí quản thể tích lớn. - Các cỡ: Có tối thiểu các cỡ số 33, số 35, số 37, số 39. - Tiệt trùng.
175	Phần 175	Ống nội khí quản có bóng chèn	Cái	15000	Loại 1 nòng có bóng chèn; Chất liệu nhựa y tế. - Bóng chèn được thiết kế đảm bảo thể tích lớn - áp lực nhỏ. - Tiệt trùng
176	Phần 176	Ống nội khí quản có bóng chèn có dây hút	Cái	400	Loại 1 nòng có bóng chèn; Chất liệu nhựa y tế. - Có ống hút dịch trên bóng. - Bóng chèn được thiết kế đảm bảo thể tích lớn - áp lực nhỏ. - Tiệt trùng

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
177	Phần 177	Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn	Cái	100	Loại 1 nòng có bóng chèn; Chất liệu nhựa y tế. - Thân ống có lò xo bằng kim loại chạy dọc thân. - Bóng chèn được thiết kế đảm bảo thể tích lớn - áp lực nhỏ. - Tiết trùng
178	Phần 178	Ống silicon nuôi ăn qua đường mũi (đầu tip đóng)	Cái	100	Chất liệu: silicon. Chiều dài $\geq 95$ cm. - Đầu tip đóng, phản quang. - Dây nuôi ăn có đường phản quang, đánh dấu độ sâu. - Có phễu và nắp đậy khi không bơm thức ăn.
179	Phần 179	Ống silicon nuôi ăn qua đường mũi (đầu tip mở)	Cái	300	Chất liệu: silicon. Chiều dài $\geq 95$ cm. - Đầu tip mở. - Dây nuôi ăn có đường phản quang, đánh dấu độ sâu. - Có phễu và nắp đậy khi không bơm thức ăn.
180	Phần 180	Ống silicon nuôi ăn qua thành bụng	Cái	60	Chất liệu Silicon, có bóng, có 2 kênh để bơm bóng và bơm thức ăn. Có thể sử dụng bơm tiêm đầu to và đầu nhỏ.
181	Phần 181	Ống thông cho ăn dạ dày tá tràng	Cái	200	Chất liệu: Polyurethane, có cản quang, thời gian lưu $\geq 25$ ngày. Có công nối chữ Y. Có đầu nặng phủ Hydromer để đưa ống qua môn vị. Có vạch đánh dấu. Chiều dài $\geq 110$ cm.
182	Phần 182	Ống thông dạ dày 2 nòng	Cái	300	Chất liệu nhựa y tế, 2 nòng, vừa hút dịch, vừa cân bằng khí, có đường cản quang dọc thân ống, không chứa DEHP.
183	Phần 183	Ống thông dạ dày có nắp	Cái	6000	Ống dây nhựa mềm, chiều dài $\geq 120$ cm, có tối thiểu 4 lỗ không đối xứng, thân ống có đánh dấu chia vạch. Đầu nối hình phễu co giãn, chống vặn xoắn, khớp với xilanh dùng để thụt rửa hoặc hút dịch. Có nắp đậy. Các số. Vô trùng.
184	Phần 184	Ống thông tiêu 2 nhánh có sợi cản quang	Ống	200	Chất liệu silicon. - Có que thăm dò luôn trong lòng ống. - Ống có 2 kênh, 1 kênh dẫn lưu nước tiêu, 1 kênh bơm bóng. - Có sợi cản quang. Có tối thiểu các cỡ: 16Fr, 18Fr.
185	Phần 185	Ống thông tiêu 2 nhánh người lớn	Cái	15000	Ống thông đường tiêu 2 nhánh người lớn - Chất liệu: Cao su trắng silicon. Van mềm. - Kích thước đầu tip: 15mm-24mm. - Ống thông: chiều dài $\geq 400$ mm. Có độ mờ lòng ống để theo dõi sự thoát nước tiêu. - Chiều dài phễu: 40mm $\pm$ 5%. - Có tối thiểu các cỡ từ 12Fr tới 28Fr. - Dung tích bóng chèn $\leq 30$ ml. - Có que thăm chất liệu Polyeste. - Vô trùng.
186	Phần 186	Ống thông tiêu 2 nhánh trẻ em	Cái	100	Ống thông đường tiêu 2 nhánh trẻ em. - Chất liệu: Cao su trắng silicon. - Kích thước đầu tip: 15mm-24mm. - Ống thông: chiều dài $\geq 400$ mm. Có độ mờ lòng ống để theo dõi sự thoát nước tiêu. - Chiều dài phễu: 40mm $\pm$ 5%. - Có tối thiểu các cỡ: 6Fr, 8Fr, 10Fr. - Dung tích bóng chèn $\leq 5$ ml. - Có que thăm chất liệu Polyeste. - Vô trùng.
187	Phần 187	Ống thông tiêu 3 nhánh	Cái	4000	Ống thông đường tiêu 3 nhánh - Chất liệu: Cao su trắng silicon. Van cứng. - Kích thước đầu tip: 15mm-24mm. - Ống thông: chiều dài $\geq 400$ mm. Có độ mờ lòng ống để theo dõi sự thoát nước tiêu. - Chiều dài phễu: 40mm $\pm$ 5%. - Có tối thiểu các cỡ từ 18Fr tới 24Fr. - Dung tích bóng chèn $\leq 30$ ml. - Có que thăm chất liệu Polyeste. - Vô trùng.

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
188	Phần 188	Ống thông tiểu 3 nhánh silicon	Cái	250	Ống thông 3 nhánh, chất liệu: silicon, dung tích bóng chèn: 30ml±10%, dùng trong ghép thận. dài 40cm±10%, 2 mắt lệch, van cứng và van khóa nổi xy lạnh. Có tối thiểu các cỡ 20Fr, 22Fr.
189	Phần 189	Panh kẹp dài	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, cong hoặc thẳng, không có máu, khóa nhẹ, hãm chặt, đầu nhọn, dài (18cm - 25cm)±5%
190	Phần 190	Panh kẹp ngắn	Cái	100	Chất liệu thép không gỉ, cong hoặc thẳng, không có máu, khóa nhẹ, hãm chặt, đầu nhọn, dài (10cm - 16cm)±5%
191	Phần 191	Que lấy bệnh phẩm	Cái	4000	Làm bằng gỗ không ngâm tẩm hóa chất. - Có hai đầu hình dáng khác nhau. - Công dụng: dùng để lấy mẫu niêm mạc tế bào cổ tử cung, - Vô khuẩn từng chiếc.
192	Phần 192	Que tăm bông vô trùng	Cái	7000	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ, đầu có bông, đựng trong ống nhựa trong suốt có nắp. Chiều dài ≥150mm. Vô trùng từng chiếc.
193	Phần 193	Sáp cầm máu xương	Miếng	2000	Chất liệu ≥80% sáp ong; Trọng lượng ≥2.5g. Được sử dụng để kiểm soát sự chảy máu từ bề mặt xương. Vô trùng từng miếng.
194	Phần 194	Sonde chữ T các số	Cái	200	Sử dụng trong thông túi mật. Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon, dạng ống chữ T, đầu kết nối có đường kính lớn hơn. Có tối thiểu các cỡ 10Fr, 12Fr, 14Fr, 18Fr, 20Fr.
195	Phần 195	Sonde hậu môn	Cái	50	Dây ống mềm, dạng tròn, đóng chóp với hai mắt hai bên. Chất liệu cao su y tế, vô trùng từng cái. Có tối thiểu các cỡ: 16Fr, 20Fr.
196	Phần 196	Sonde nelaton các số	Cái	1500	Chất liệu cao su y tế, tiệt khuẩn, đóng gói 1c/túi
197	Phần 197	Sonde Petze các số	Cái	3000	Chất liệu cao su tự nhiên; Bao gồm: ống thông, phễu thoát nước, phễu thổi, phễu rửa, bóng và van. Kích thước: có tối thiểu có các cỡ: 12Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 28Fr. Chiều dài ống: 400 ± 10 mm. Tốc độ dòng chảy tối đa ≥ 100 ml/phút. Vô trùng đơn chiếc.
198	Phần 198	Tăm bông lấy dịch tỵ hầu	Cái	2000	Thân que bằng nhựa, đầu que cuốn bông mịn, không chứa DNase, Rnase, Có khắc để bề phân chứa mẫu và ống lưu, vô trùng từng cái.
199	Phần 199	Tấm dán phẫu thuật (15cm x 28cm)	Miếng	2000	Mỏng, độ bám dính tốt ngăn nước và vi khuẩn. Kích thước ≥(15cm x 28cm)
200	Phần 200	Tấm dán phẫu thuật (28cm x 30cm)	Miếng	5000	Là tấm dán trong suốt, hơi nước có thể bốc hơi qua đồng thời ngăn ngừa nước và vi khuẩn xâm nhập, mỏng, độ bám dính tốt Kích thước ≥(28cm x 30cm)
201	Phần 201	Tấm trải nilon vô trùng	Cái	16000	Chất liệu nilon hoặc tương đương, có màu chỉ thị đã được tiệt trùng kích thước ≥(100cm x 130cm).
202	Phần 202	Tay dao mổ điện dùng một	Cái	20000	Loại tay dao cho dao mổ điện, 2 phím bấm, 3 chân cầm chất liệu đồng; - Tay dao dạng thân lục giác chống trượt. - Lưỡi dao (Điện cực): chất liệu thép không gỉ, dài ≥7cm. Chiều dài dây ≥300cm.
203	Phần 203	Thẻ định danh mẹ bé	Cặp	4000	Chất liệu nhựa mềm, có khóa, có tem ghi thông tin bệnh nhân, theo cặp 1 to, 1 nhỏ có các màu.
204	Phần 204	Thẻ định danh người lớn	Cái	50000	Chất liệu nhựa mềm, có chốt, có đục lỗ tối thiểu ở các vị trí 12cm, 14cm, 16cm. Chiều dài: có tối thiểu các cỡ 11", 12", có tem ghi thông tin bệnh nhân. Các màu.
205	Phần 205	Túi bọc Camera nội soi	Cái	10000	Tiệt khuẩn, đóng gói 1c/túi Kích thước ≥(18cm x 230cm)
206	Phần 206	Túi bọc kính vi phẫu	Cái	500	Tiệt khuẩn, đóng gói 1c/túi Kích thước ≥(110cm x 160cm)
207	Phần 207	Túi đựng nước tiểu	Cái	75000	Van chặn nước tiểu chảy ngược lại. - Túi chứa có thước đo theo ml - Dung tích: ≥2000ml - Dây nối dài: ≥150cm Tiệt trùng từng chiếc.
208	Phần 208	Túi đựng Oxy	Cái	50	Chất liệu cao su, có van. Dung tích ≥5lít
209	Phần 209	Xốp cầm máu	Miếng	2000	Chất liệu: Gelatin tinh khiết. Kích thước: ≥ (5cm x 8cm)
210	Phần 210	Gel có nano bạc kháng khuẩn	Tuýp	200	Hoạt chất: Bạc (0.035% - 0.045%) ±10%. Khối lượng ≥20g

TT	Tên phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
211	Phần 211	Băng dán vết thương nano bạc cỡ nhỏ	Miếng	1400	Băng dán vết thương chứa nano bạc phân bố đồng đều trên tấm gạc. Hàm lượng nano bạc từ 0.008mg/cm <sup>2</sup> - 0.03mg/cm <sup>2</sup> . - Kích thước $\geq$ (5cm x7.5cm).
212	Phần 212	Băng dán vết thương nano bạc cỡ trung bình	Miếng	1500	Băng dán vết thương chứa nano bạc phân bố đồng đều trên tấm gạc. Hàm lượng nano bạc từ 0.008mg/cm <sup>2</sup> - 0.03mg/cm <sup>2</sup> . - Kích thước $\geq$ (9cm x15cm).
213	Phần 213	Băng dán vết thương nano bạc cỡ lớn	Miếng	1500	Băng dán vết thương chứa nano bạc phân bố đồng đều trên tấm gạc. Hàm lượng nano bạc từ 0.008mg/cm <sup>2</sup> - 0.03mg/cm <sup>2</sup> . - Kích thước $\geq$ (9cm x25cm).
214	Phần 214	Băng dán hydrocolloid loại nhỏ	Miếng	500	Băng dán vết thương chứa hydrocolloid (bao gồm CMC và gelatin) - Kích thước $\geq$ (10cm x10cm)
215	Phần 215	Băng dán hydrocolloid loại lớn	Miếng	800	Băng dán vết thương chứa hydrocolloid (bao gồm CMC và gelatin) - Kích thước $\geq$ (15cm x15cm)
216	Phần 216	Chỉ khâu phẫu thuật tim PTFE	Sợi	20	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu PTFE; cỡ chỉ: có tối thiểu 2 loại 4/0, 5/0; chiều dài chỉ $\geq$ 75cm; loại 2 kim; kim 3/8C; chiều dài kim 13mm-15mm;

